LUẬN KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN TRUNG

Kinh nói: Phật dạy, nầy Tu-bồ-đề! Hết thảy số cát trong sông Hằng, và nhiều nhiều sông Hằng kia, thầy nghĩ sao, số cát có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Chỉ một sông Hằng mà cát đã nhiều lắm rồi, huống chi là cát của nhiều sông Hằng.

Phật dạy, nầy Tu-bồ-đề! Ta nói thật cho thầy biết, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, lấy bảy báu có đầy khắp thế giới, như số cát sông Hằng ấy, cúng thí chư Phật, Như Lai, thì nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thiện nam thiện nữ ấy, có được phước nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn rất nhiều! Thiện nam thiện nữ kia, được phước rất nhiều.

Phật nói với thầy Tu-bồ-đề: "Nếu có thiện nam thiện nữ, đem bảy báu đầy khắp cả thế giới, nhiều như cát sông Hằng, mà bố thí, nhưng nay đối với pháp môn này, cho đến chỉ thọ trì bốn câu kệ, nói cho kẻ khác biết thì phước đức ấy, vượt hơn phước đức bố thí trước đến vô lượng A-tăng-kì"!

Luận rằng: Ở trước, đã thí dụ về cái nhiều của phước đức; tại sao ở đây lại nói nữa? Kệ nói:

Nói nhiều nghĩa sai biệt,
So sánh cũng thành.
Phước sau nhiều hơn trước,
Nên lại nói dụ hơn.

Nghĩa này thế nào? Trước nói thí dụ: ba ngàn thế giới để làm sáng tỏ phước đức nhiều. Nay nói lại là vô lượng ba ngàn thế giới. Tại sao trước đây, không nói thí dụ nầy? Ấy là lần hồi giáo hóa chúng sinh, giúp cho họ phát sinh lòng tin ở nghĩa vi diệu tối thượng. Vả lại, trước đây chưa nói rõ do những gì v.v... mà công đức thù thắng hơn, có khả năng

đưa đến Đại Bồ-đề. Lấy thí dụ nầy để nói về công đức ấy, nên phải nói lại.

Kinh nói: "Lại nữa, Tu-bồ-đề! Nơi nào có nói pháp môn nầy, cho đến chỉ nói bốn câu kệ, phải biết nơi ấy, hết thảy thế gian, Trời, Người, A-tu-la đều phải cúng dường, như cúng dường tháp miếu Phật, huống chi lại có người tận lực thọ trì, đọc tụng kinh nầy. Nầy Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy đã thành tựu được pháp hiếm có tối thượng bậc nhất. Nơi nào có kinh nầy thì nơi đó có Phật hoặc tôn trọng tương tự Phật.

Khi ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Pháp môn nầy tên là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Phật nói với Tu-bồ-đề: Pháp môn này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Thầy cứ theo tên gọi ấy mà phụng trì. Tại sao vậy? Nầy Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật. Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có pháp gì để Như Lai giảng nói không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì mà Như Lai giảng nói cả!

Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa: Số vi trần ấy, rất nhiều, thưa Thế Tôn!

Tạo sao? Nầy Tu-bồ-đề! Những vi trần đó, Như Lai nói không phải là vi trần, nên mới gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới, tức chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Phật nói, nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể dùng ba mươi hai tướng của bực Đại nhân, để thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề đáp: Thưa không, Bạch Thế Tôn! Tại sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng của bực Đại nhân, tức chẳng phải là tướng, nên mới gọi là ba mươi hai tướng bực Đại nhân".

Luận rằng: Làm sao thành tựu được tướng tốt đó; có bài kệ nói:

Tôn trọng ở hai nơi,
Nhân tập chứng thể lớn,
Nhân kia tập phiền não
Đây chế ngự phước nhiễm.

Bài kệ này có nghĩa gì?

Tôn trọng ở hai nơi, đó là:

1. Nơi được nói kinh: Tức tùy ở nơi nào đó, nói kinh này khiến ai nấy đều sinh ý niệm tôn trọng hết sức đặc biệt.

2. Người nói kinh: Tức là tùy những ai có khả năng thọ trí, giảng

nói. Vì lòng tôn trọng kinh luận, nên không như bảy báu, tùy nơi mà buông bỏ, tùy người có thể cho. Phải sinh lòng kính trọng như vậy. Pháp môn này làm nhân thù thắng cho pháp chứng đắc của tất cả chư Phật, Như Lai. Như kinh nói: "Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Không có pháp nào để Như Lai nói cả. Câu đó có nghĩa gì? Là không có một pháp nào là riêng của Như Lai nói, còn các Phật khác thì không nói.

Phước đức bố thí châu báu kia, là nhân của phiền não nhiễm ô, vì nó tạo nên bao chuyện phiền não. Nhân này của Phật, chỉ rõ cách lìa khỏi nhân phiền não, cho nên dùng thí dụ về vi trần. Như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Những vi trần đó, Như Lai nói chẳng phải là vi trần, nên mới gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới, chẳng phải là thế giới, nên mới gọi là thế giới. Tại sao nói như vậy?

Vi trần kia chẳng phải là thể của phiền não tham v.v... vì lẽ đó, nên gọi là vi trần của đất. Các thế giới kia, không phải là cảnh giới của nhân phiền não nhiễm. Cho nên nói là thế giới. Đây nhằm làm rõ nghĩa gì?

Phước đức kia là nhân của bụi phiền não nhiễm ô, thế nên đối với bụi "vô kí" bên ngoài ấy thì phước đức căn lành là gần, huống chi là phước đức nầy, lại có khả năng thành Phật Bồ-đề, thành tựu được tướng đại trượng phu, vượt hơn hết mọi phước đức. Do vậy, ai thọ trì, diễn nói kinh nầy thì có khả năng thành Phật Bồ-đề, vì phước nầy vượt hơn phước bố thí. Tại sao? Vì tướng đó, đối với Phật Bồ-đề, chẳng phải là tướng vì đó chẳng phải là Pháp thân. Cho nên mới gọi là tướng đại trượng phu. Do tướng nầy nên Thọ trì, diễn nói kinh, thì phước đức nầy có khả năng thành Phật Bồ Đề, do đó phước kia chẳng thể hơn phước này. Vả lại, phước đức nầy có khả năng hàng phục phước của bố thí bảy báu. Phước thọ trì kinh có sức hàng phục biết là dường nào! Thành thử, phước thọ trì kinh là cao hơn hết đối với mọi phước đức, của bố thí Ba-la-mật v.v... Như vậy là đã nói xong về phước đức.

Kinh nói: "Phật dạy Tu-bồ-đề: Nếu thiện nam thiện nữ, đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng, để bố thí; nhưng có kẻ khác, thọ trì pháp môn này dù chỉ một bài kệ và giảng cho người khác nghe, thì phước nầy nhiều gấp vô lượng A-tăng-kì.

Bấy giờ, khi đã nghe Phật nói kinh nầy, hiểu sâu nghĩa cốt yếu, Tu-bồ-đề tủi khóc sụt sùi, gạt lệ bạch Phật: Thật là hiếm có, thưa đấng Thế Tôn! Thật là hiếm có, thưa đấng Thiện Thệ! Phật nói pháp môn sâu xa như vậy. Con từ khi được tuệ nhãn tới nay, chưa từng được nghe pháp môn như thế này. Tại sao vậy? Tôn giả Tu-bồ-đề Phật nói Bát-

nhã Ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu ai nghe kinh nầy sinh lòng tin thanh tịnh, phát sinh được thật tướng, nên biết người đó đã thành tựu được phước đức hiếm có bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Thật tướng tức chẳng phải là tướng, cho nên Như Lai mới gọi tên thật tướng là thật tướng.

Thưa Thế Tôn! Con nay được nghe pháp môn như thế này, tin, hiểu, thọ trì, không thấy khó khăn lắm. Nếu ở đời sau có chúng sinh, nghe được pháp môn nầy, và tin, hiểu, thọ trì; thì người ấy là hiếm có bực nhứt. Tại sao? Vì người ấy, không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Tại sao? Vì tướng ngã, tức chẳng phải là tướng, và tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức chẳng phải là tướng. Tại sao? Vì khi lìa hết mọi tướng tức là Phật.

Phật nói với Tu-bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu ai nghe kinh nầy, mà không kinh, không sợ, không khiếp thì phải biết người đó thật là hiếm có. Tại sao? Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất, tức chẳng phải Ba-la-mật đệ nhất. Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất ấy, thì vô lượng chư Phật cũng nói là Ba-la-mật. Do vậy, nên gọi là Ba-la-mật đệ nhất.

Luận rằng: Từ đây trở đi, văn kinh tập trung nói rõ phước đức thọ trì, là hơn hết thảy mọi phước đức. Nghĩa nầy như thế nào? Bài kệ nói:

Thân khổ vượt hơn kia,
Nghĩa hiếm có cao tột,
Bờ trí tuệ khó lường,
Cũng không giống pháp khác.
Hiểu chắc thật nghĩa sâu,
Hơn Tu-đa-la khác.
Nhân lớn và thanh tịnh,
Phước hơn trong mọi phước.

Hai bài kệ trên có nghĩa gì? Xả bỏ thân mạng quan trọng, khó làm hơn xả bỏ của báu v.v... Quả báo phước đức của việc xả bỏ vô lượng thân để bố thí như vậy, vẫn kém thua phước đức thọ trì kinh này. Vì sao? Vì bỏ thân mạng là rủ bỏ cái thân khổ, tâm khổ, còn nghĩ đến thân khổ, mà phước đức con như vậy, huống là vì pháp xả thân! Ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề vì tôn trọng pháp, nên buồn, khóc, rơi lệ.

Như kinh nói: "Khi ấy, nghe Phật nói kinh nầy, hiểu sâu nghĩa cốt yếu nên Tu-bồ-đề tủi khóc, sụt sùi... Pháp môn này hiếm có, là vì sao? Tu-bồ-đề dù có Tuệ nhãn, nhưng từ ấy đến giờ vẫn chưa từng được nghe pháp môn này. Do vậy nên gọi là hiếm có".

Như kinh nói: "Con, từ trước cho đến ngày nay dù đã có tuệ nhãn, nhưng chưa từng được nghe pháp môn như thế nầy..."

Vả lại, pháp môn nầy là bực nhứt, vì tên gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Tại sao nó trở thành nghĩa cao tột?

Như kinh nói: "Vì sao? Nầy Tu-bồ-đề! Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải Bát-nhã Ba-la-mật? Vì sao lại nói bờ trí bên kia như thế? Do bờ trí bên kia ấy không ai lường nổi, cho nên nói chẳng phải Ba-la-mật".

Lại nữa, pháp môn nầy, không giống bất cứ pháp môn nào khác. Tại sao? Vì trong đó có Thật tướng, còn các thứ khác, chẳng phải thật tướng. Ngoại trừ Phật pháp, mọi nơi khác, đều không thật. Do mọi chỗ khác đó chưa từng có, chưa từng sinh lòng tin.

Từ nghĩa nầy, mà kinh nói: Thưa Thế Tôn! Nếu có ai được nghe kinh nầy mà sinh lòng thanh tịnh, thì có khả năng phát sinh thật tướng. Nên biết, người ấy đã thành tựu công đức hiếm có bậc nhất.

Lại nữa, pháp môn nầy chắc thật, cao đẹp sâu dày. Vì sao? Vì thọ trì kinh nầy, sự suy lường tu tập không khởi tướng ngã vv.

Không khởi tướng ngã v.v... là chỉ rõ cảnh giới có thể giữ lấy không có tướng điên đảo. Tướng ngã v.v... tức chẳng phải tướng; nó chỉ rõ cảnh giới năng thủ, khả thủ (sở thủ) không có tướng điên đảo. Hai điều ấy, nói rõ trí Vô ngã, Ngã không, Pháp không. Cứ lần lượt như vậy.

Như kinh nói: "Tại sao? Vì người nầy, không có tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã tức chẳng phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức cũng chẳng phải tướng. Vì sao? Vì khi lìa hết tướng thì gọi là chư Phật.

Đức Như Lai nói cho Tu-bồ-đề nghĩa như vậy.

Kinh hãi, nghĩa là do trái lẽ sinh lo sợ nên gọi là kinh hãi. Do đáng bị quở trách, như hạnh phi chánh đạo. Sợ hãi là tâm thể bị sợ sệt, vì tâm nghi cứ trào lên không dứt. Khiếp (úy) là một mực lo sợ. Tâm ấy hoàn toàn kinh hãi, lo sợ đọa vào nên, phải xa lìa những nơi đó. Như kinh nói: Không kinh, không sợ, không khiếp. Với lại, pháp môn nầy, vượt hơn hết mọi Tu-đa-la khác. Như kinh nói: "Tại sao vậy? Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất, chẳng phải Ba-la-mật đệ nhất". Lại nữa, pháp môn nầy, gọi là Đại nhân (nhân Đại thừa). Kinh nói: "Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất là vậy".

Lại nữa, pháp môn nầy là thanh tịnh, vì có vô lượng Phật nói. Kinh nói: Vô lượng chư Phật kia, cũng nói Ba-la-mật, nên gọi là Ba-la-mật

đệ nhất vậy. Việc bố thí của cải châu báu không có được phước đức như vậy. Nên phước đức do thọ trì kinh nầy, là vượt hơn hết trong mọi phước đức.

Từ đây trở đi, văn kinh tập trung đoạn trừ nghi. Nghi điều gì? Như trên vì quả báo xả bỏ (bố thí) thân khổ nên phước đức kém thua; nếu vậy các Bồ-tát y theo pháp môn này thọ trì diễn thuyết tu hành khổ hạnh; đã là khổ hạnh thì cũng đưa đến khổ quả, thế sao pháp môn này không dẫn thành khổ quả? Vì đoạn nghi này.

Kinh nói: "Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn Nhục Ba-la-mật, tức chẳng phải Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì sao? Nầy Tu-bồ-đề! Như Ta thuở xưa, bị vua Ca-lợi cắt rời thân thể. Ngay khi ấy, Ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vô tướng, cũng chẳng phải vô tướng. Vì sao? Nầy Tu-bồ-đề! Khi ấy, thân thể bị chia lìa, nếu Ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả; tức Ta phải sinh giận dữ. Nầy Tu-bồ-đề! Ta lại nhớ thời quá khứ, đã năm trăm đời, làm vị tiên tu Nhẫn Nhục. Trong những đời đó, Ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Thành thử nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa hết thảy tướng, khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Nếu tâm có chỗ trụ tức chẳng phải trụ. Do vậy, không để tâm trụ vào sắc, không để tâm trụ vào Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Nên để tâm không trụ vào đâu cả. Do vậy, Phật nói: Bồ-tát khi bố thí, không để tâm trụ vào sắc.

Nầy Tu-bồ-đề! Bởi ích lợi cho hết thảy chúng sinh, mà Bồ-tát phải bố thí như vậy. Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Hết thảy tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng. Vì sao? Vì Như Lai nói, hết thảy chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh".

Luận rằng: Kinh chỉ rõ nghĩa gì? Kệ nói:

"Thường nhẫn nơi khổ hạnh,
Do khổ hạnh có thiện,
Phước đó không thể lường,
Như vậy, nghĩa tối thắng.
Lìa tướng Ngã và Giận,
Hoàn toàn không khổ não,
Cùng vui có Từ bi,
Quả khổ hạnh là vậy.

Hai bài kệ nầy, có nghĩa gì? Khổ hạnh ấy dù hình thức giống quả khổ, nhưng khổ hạnh nầy không mệt mỏi, vì có Nhẫn Nhục Ba-la-mật, nên gọi là đệ nhất. Bờ kia có hai nghĩa:

1. Thể của Ba-la-mật là thiện căn, thanh tịnh.

2. Công đức của bờ kia là không thể lường được.

Như kinh nói: "Tức chẳng phải là Ba-la-mật".

Chẳng phải Ba-la-mật, là không ai biết được bờ công đức của nó nên nói chẳng phải Ba-la-mật. Vì vậy nó là pháp bậc nhất. Khổ hạnh nầy hơn cả việc bỏ thân mạng, huống gì còn là lìa bỏ tướng ngã, và tướng giận dữ.

Hơn nữa, làm việc nầy không có khổ. Không những không có khổ mà lại còn vui, bởi có từ bi.

Như kinh nói: "Khi ấy, Ta không có tướng ngã, cho đến vô tướng, cũng chẳng phải vô tướng. Điều nầy chỉ rõ là tâm tương ưng từ bi, nên mới nói như thế. Nếu Bồ-tát nào, không lìa tướng ngã v.v... Bồ-tát đó, sẽ thấy khổ hạnh là khổ, có khi muốn bỏ cả tâm Bồ-đề. Do đó, mà nói như kinh nói là: "Thế nên, nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát lìa hết thảy tướng..." Điều nầy nói rõ nghĩa gì? Ấy là do chưa phát sinh tâm Bồ-đề đệ nhất, nên mới có lỗi như vậy. Để ngăn chặn lỗi nầy, kệ nói:

"Vì khởi tâm không xả
Để tu hành vững chắc,
Do Nhẫn Ba-la-mật,
Thường học tập tâm kia.

Bài kệ này, có nghĩa gì? Bằng tâm nào, mà khởi hành tướng cho việc tu hành? Vì tâm nào mà không xả bỏ tướng tu hành? Kệ nói: Là do Nhẫn Ba-la-mật, thường học tập tâm kia.

Vả lại, Tâm đệ nhất nghĩa, là đã bước vào Sơ địa được Nhẫn Nhục Ba-la-mật, tâm nầy gọi là tâm không trụ. Như kinh nói: "Thế nên, Nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa hết thảy tướng, khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì đây chỉ rõ nghĩa tâm không trụ để tâm phát sinh. Nếu tâm trụ vào sắc, thanh... thì nó không còn trụ ở Bồ-đề, Phật; muốn nói rõ tâm không trụ vào sự mà hành bố thí. Kinh văn này ý nói: Phát khởi cái tâm không trụ vào đâu, để làm phương tiện, vì bố thí Ba-la-mật gồm thâu cả sáu Ba-la-mật kia.

Thế nào là tu hành, đem lợi ích cho chúng sinh mà gọi là không trụ vào việc chúng sinh? Để cắt đứt nghi nầy, như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Bởi đem lợi ích cho hết thảy chúng sinh, nên Bồ-tát bố thí như vậy. Câu nầy nói rõ nghĩa gì, kệ nói:

Tu hành lợi chúng sinh,
Nhân như thế phải hiểu
Cũng phải biết xa lìa

Chúng sanh và sự tướng.

Kệ này có nghĩa gì? Lợi ích là cốt lõi của nhân tu hành. Người tu hành làm lợi ích cho chúng sinh, mà không chấp giữ sự tướng chúng sanh. Sự chúng sinh là những gì? Kệ nói:

Giả danh và sự ấm
Như Lai lìa tướng ấy,
Chư Phật không cả hai,
Đã thấy được Thật pháp.

Kệ nầy có nghĩa gì? Là nói chúng sanh danh tướng và sự ấm của chúng sanh. Vì sao, người tu hành, phải lìa sự tướng chúng sinh? Tức chúng sanh kia chỉ là tưởng thành mà đặt tên, gán ghép tướng, chứ không phải tướng, do không có thể thật của chúng sanh kia. Vì nghĩa này cho nên nói: "Chúng sinh tức chẳng phải chúng sinh". Vì pháp nào gọi là chúng sanh? Vì năm ấm cho là chúng sinh, nhưng năm ấm kia, không cái có thể của chúng sinh, vì nó không thật. Như thế là làm rõ pháp vô ngã, nhân vô ngã.

"Vì sao? Vì tất cả chư Phật, Như Lai, đều đã xa lìa hết thảy tướng". Câu nầy, nói rõ hai tướng không thật. Như kệ nói: Như Lai lìa tướng đó. Chư Phật không có cả hai thứ đó, do đã thấy được Thật pháp. Ở đây nói nghĩa gì? Nếu hai cái đó là thật có thì chư Phật, Như Lai, phải có hai tướng đó. Tại sao? Vì chư Phật, Như Lai, thấy được sự thật.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói đó là lời Chân, lời Thật, lời Như, lời Không đổi khác. Nầy Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng, pháp mà Như Lai nói, không thật, cũng không dối.

Luận rằng: Ở đây lại có nghi: Vậy, trong việc chứng quả là không có đạo ; không có đạo thì sao có thể làm nhân cho chứng quả ? Để phá nghi nầy, Kinh nói: "Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói đó là lời Chân, lời Thật, lời Như, lời Không đổi khác. Bốn câu này có nghĩa gì? Kệ nói:

Quả tuy không trụ đạo,
Nhưng đạo hay làm nhân,
Lời chư Phật là thật,
Trí có bốn thứ.

Đây nghĩa gì? Vì có bốn thứ cảnh giới, nên Như Lai có bốn lời thật. Thế nào là bốn cảnh giới? Kệ nói:

Do Thật trí-Tiểu thừa,
Nói pháp Ma-ha-diễn,,
Và tất cả ghi nhận
Nên Phật không dối nói (nói càn).

Bài kệ này, làm sáng tỏ điều gì? Vì có Như lai thật trí, nên Phật không giả dối nói là có Phật Bồ-đề. Vì có Tiểu thừa, Đại thừa, hết thảy sự việc ghi nhận, nên Phật đều không giả dối nói. Do bốn cảnh ấy nên lần lượt nói bốn thứ. Như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời Chân, lời chân thật, lời Như, lời Không đổi khác.

Không giả dối nói Tiểu thừa, là nói Khổ đế v.v... của Tiểu thừa, suy nhất đó là Đế (sự thật).

Không giả dối nói Đại thừa, là nói pháp vô ngã chân như, thì chân như đó đúng là chân như.

Không giả dối nói mọi sự ghi nhận đó là ghi nhận hết thảy trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Nghĩa thế nào nói y như vậy, không sai lầm điên đảo.

Kinh lại nói: "Nầy Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng, pháp mà Như Lai đã nói; đều không phải thật, mà cũng không phải dối". Tại sao nói như vậy? Kệ nói:

Tùy thuận thật trí kia,
Nói không thật, không dối,
Như nghe tiếng chấp chứng,
Nói vậy để đối trị.

Kệ này có nghĩa gì? Pháp chư Phật giảng nói, thì pháp đó không thể đạt được pháp kia, mà là tùy thuận nghĩa. Vì pháp nói không thể đưa đến pháp chứng kia. Tại sao? Như tiếng nghe được thì không mang ý nghĩa như vậy. Cho nên là không thật. Pháp nói nầy tùy thuận vào pháp chứng kia. Do vậy nó không phải là nói dối.

Nếu vậy sao lại nói: Pháp Như Lai chứng, pháp Như Lai nói...? Đấy chỉ là nương câu chữ mà nói. Tại sao, Như lai trước nói: Như Lai nói lời chân thật, rồi sau lại bảo: Pháp nói đó, không phải thật cũng không phải dối? Kệ đã nói: Nghe tiếng chấp, thủ chứng. Nói vậy để đối trị.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ví như ai vào chỗ tối thì không thấy gì. Nếu Bồ-tát trụ tâm vào sự bố thí, thì cũng như vậy. Nầy Tu-bồ-đề! Ví như kẻ mắt sáng, đêm tàn, mặt trời lên chiếu sáng, thấy cả thảy mọi thứ. Nếu Bồ-tát bố thí mà tâm không trụ vào sự, thì cũng như vậy.

Luận rằng: Lại có chỗ nghi: Nếu Thánh nhân, nhờ pháp Vô vi chân như mà được tên, thì Chân như đó, phải hiện diện bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. Tại sao nói là tâm không trụ? Đến khi được quả Phật Bồ-đề, thì chẳng phải không trụ? Nếu Chân như, thật có bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, thì tại sao có kẻ chứng được, người không chứng được?

Để cắt đứt nghi nầy, nên thí dụ vào chỗ tối v.v... Điều này làm sáng tỏ nghĩa gì? Kệ nói:

Thời và Xứ thật có,
Nhưng không được Chân như,
Vô trí trụ nơi pháp,
Có trí đều chứng được.

Kệ nầy có nghĩa gì? Mọi lúc là quá khứ, hiện tại, vị lai. Mọi nơi là ba cõi. Nếu thật có pháp chân như, thì tại sao chúng sinh lại không chứng được? –Kệ nói: Là vô trí, mới trụ chấp nơi pháp, kẻ không có trí mới để tâm trụ chấp vào pháp. Điều này lại có nghĩa là không thanh tịnh. Ai có trí thì tâm không trụ chấp vào pháp, thế nên, họ có thể chứng được chân như. Do nghĩa đó, nên chư Phật, Như Lai thanh tịnh Chân như mà được tên. Vì vậy, tâm có trụ thì không được Phật Bồ-đề. Lại thí dụ nầy là làm rõ nghĩa gì? Kệ nói:

Tối-sáng-ngu-vô trí,
Kẻ sáng như có trí,
Đối pháp và đối trị,
Được pháp diệt như thế.

Kệ này, có nghĩa gì? Thí dụ về tối sáng là pháp tương tợ. Tối là vô trí. Sáng như mặt trời là chỉ có trí. Có mắt làm rõ nghĩa gì? Kệ nói: Đối trị và đối pháp, là được pháp vô vi. Cứ theo thứ lớp như vậy. Lại nữa, có mắt là để ví với chủ thể đối trị. Đêm tàn là ví cho đối tượng sở trị trị, là bóng tối tan hết. Ánh trời chiếu rọi, là pháp chủ thể trị ngay tại chỗ. Như kinh nói: Như có người, vào chỗ tối, thì không thấy gì...

Kinh nói: Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, thọ trì, đọc tụng, tu hành pháp môn nầy, thì được Như Lai lấy trí tuệ Phật mà biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, hiểu rõ người ấy là đã thành tựu được vô biên tụ công đức. Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, trong buổi sáng, đem thân nhiều như cát sông Hằng để bố thí, buổi trưa lại đem thân như cát sông Hằng bố thí, buổi chiều cũng đem thân nhiều như cát sông Hằng bố thí. Cứ thế, bỏ thân nhiều như cát sông Hằng vô lượng, và cứ như thế, trải trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp, đem thân bố thí. Nhưng nếu có người, được nghe pháp môn nầy, sinh lòng tin, không nhạo báng chê bai thì phước nầy, sẽ hơn phước bố thí vô lượng A-tăng-kì, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành và diễn nói cho người khác!

Luận rằng: Từ đây trở đi, lại nói về nghiã gì? Kệ nói:

Tu hành theo pháp nào?

Được những phước đức gì?
Lại thành tựu nghiệp gì?
Nói tu hành như thế.

Tu hành theo pháp nào là chỉ rõ hạnh kia. Bày tỏ như thế nào? Kệ nói:

Danh tự ba thứ pháp,
Thọ trì, nghe, rộng nói,
Tu từ tha và nội,
Được nghe là tu trí.

Kệ này có nghĩa gì? Do danh tự kia mà được văn tuệ. Ở đây có ba thứ:

1. Thọ.
2. Trì.
3. Đọc tụng.

Làm sao biết được? - Kệ nói: Thọ trì, nghe, nói rộng. Thọ, trì, tu hành là nương vào pháp tổng trì. Còn đọc tụng tu hành thì nương vào văn tuệ rộng. Tụng-tập rộng nhiều, cũng gọi là văn tuệ. Đấy là ba cách tu hành theo danh tự. Như kinh nói: "Lại nữa, Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, thường hay thọ trì, đọc tụng pháp môn nầy..."

Người tu hành đó, được gì? –Kệ nói: Tu theo người khác và mình. Được nghe là tu trí. Nghĩa nầy thế nào?

Là tướng tu được nhờ người khác và của chính mình. Thế nào là tu theo người khác và chính mình? Nghĩa là nghe và tu theo thứ lớp như vậy, là theo người khác để nghe pháp, rồi mình tự suy nghĩ mà tu hành. Như trên nói danh tự cho đến tu hành, đó là vì mình. Kệ nói:

Đấy là tự thuần thục,
Ngoài ra, hoá chúng sinh,
Do sự và thời lớn,
Phước hơn trong mọi phước.

Đây có nghĩa gì? Lấy văn tuệ hình thành từ lời nói mà tu hành, là tự mình thuần thục cho mình. Ngoài ra là nói rộng pháp để giáo hóa chúng sinh.

Được phước đức gì, là chỉ việc tính kể phước nầy là hơn hết thảy. Kệ nói: Việc làm và thời gian lâu dài, phước nầy hơn hết mọi loại phước. Phước đức xả thân tu pháp ấy, hơn phước đức xả thân bố thí. Hơn thế nào? Là về mặt sự, thì vượt hơn, là bởi thời gian lâu dài, tức trong một ngày xả nhiều thân, lại làm nhiều lúc. Như kinh nói: "Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, buổi sáng đem thân nhiều

như cát sông Hằng bố thí... cho đến... nếu lại có người nghe pháp môn nầy, sinh lòng tin không chê bai thì phước nầy, hơn phước bố thí kia vô lượng A-tăng-kì, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành, diễn nói cho kẻ khác..."

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, kinh nầy có vô biên công đức, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, so lường. Pháp môn nầy, Như Lai nói cho người phát tâm Đại thừa, người phát tâm Tối thượng thừa. Nếu ai có khả năng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh nầy và diễn nói rộng cho mọi người đều biết, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đã thành tựu được vô lượng công đức, không thể nghĩ bàn, không thể kể tính, không có bờ bến. Những người như vậy, mới đủ năng lực gánh vác đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Tại sao? Nầy Tu-bồ-đề! Nếu ai ham pháp Tiểu thừa thì không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh nầy, không thể giảng nói cho kẻ khác được. Nếu ai còn thấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; mà thọ trì, đọc tụng, tu hành pháp môn nầy và giảng cho kẻ khác, thì không bao giờ có chuyện đó!

Nầy Tu-bồ-đề! Bất cứ ở đâu, nếu có kinh nầy thì cả thảy thế gian, Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường. Phải biết, nơi đó, chính là tháp Phật, đều phải nên cung kính đảnh lễ, đi nhiễu quanh và đem các thứ hương hoa, mà rải nơi đó.

Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, thọ trì, đọc tụng kinh nầy, mà bị khinh rẻ là tại sao?

Là tội nghiệp đời trước của người ấy, đáng lẽ bị đọa vào cõi ác đạo, nên đời nầy mới bị người khinh rẻ; nhưng rồi các tội nghiệp đời trước đều sẽ tiêu tan hết và người ấy, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nầy Tu-bồ-đề! Ta nhớ ở thời quá khứ, cách đây vô lượng A-tăng-kì kiếp, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ta gặp tám mươi bốn ức Na-do-tha trăm ngàn vạn ức chư Phật và đều thờ phụng, cúng dường, không bỏ sót vị nào. Nếu lại có người, ở đời sau và đời sau nữa, thường hay thọ trì, đọc tụng; thì công đức mà Ta đã cúng dường chư Phật so với công đức nầy, không bằng một phần trăm một phần ngàn, một phần muôn ức cho đến tính đếm thí dụ cũng không bằng!

Nầy Tu-bồ-đề! Ở đời sau và đời sau nữa, nếu có thiện nam thiện nữ nào, thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh nầy, thì phước đức của họ, nếu Ta nói thật đầy đủ, thì ai nghe được, tâm họ cuồng loạn, nghi hoặc, không tin.

Nầy Tu-bồ-đề! Nên biết, pháp môn nầy là không thể nghĩ bàn. Do vậy, quả báo của nó cũng không thể nghĩ bàn.

Luận rằng: Dại thành tựu nghiệp tu hành thế nào? Nay sẽ làm rõ nghiệp tu hành ấy. Kệ nói:

Chẳng phải cảnh giới khác,
Chỉ dựa Đại nhân nói,
Và ít nghe, tin pháp,
Đầy đủ cõi Vô thượng.
Thọ trì chân diệu pháp,
Tôn trọng thân được phước,
Cùng xa lìa mọi chướng,
Có thể mau chứng pháp.
Thành tựu mọi uy lực,
Được quả lớn, vi diệu,
Nghiệp cao ngời như thế,
Đúng pháp, biết tu hành.

Ba bài kệ nầy nói nghĩa gì? Nói đến việc không thể nghĩ bàn, là chỉ ra cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Không thể tính kể so lường, là nói chỉ các bậc Đại nhân, không chung với Thanh Văn. Pháp nầy chỉ nói cho chúng sinh, thuộc đệ nhất Đại thừa. Điều nầy chỉ rõ là phải nương tựa vào Đại nhân (Bồ-tát).

Lại nói người Đại thừa là tu hành pháp Đại thừa tối diệu, thù thắng. Vì tin theo Tiểu thừa thì không có khả năng nghe pháp nầy.

Để chỉ rõ sự ít nghe mà tin vào pháp, như kinh nói: Nói tóm lại, kinh nầy có vô biên công đức, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể so lường. Như Lai nói cho người phát tâm Đại thừa, cho người phát tâm Tối thượng thừa.

"Ít nghe" ấy là nói câu, văn kinh không thể nghĩ bàn. Được phước đức không thể nghĩ bàn v.v... là chỉ rõ tính đã đầy đủ. Vì mọi phước đức và căn lành đầy đủ. Nên câu văn, kinh không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: Đều thành tựu vô lượng công đức, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, không có giới hạn.

- Những người như thế, mới gánh vác nổi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Câu nầy chỉ rõ sự thọ trì chân diệu pháp.

Người thọ trì pháp nghĩa là gánh vác Đại Bồ-đề. Như kinh nói: Những người như thế, mới đủ khả năng gánh vác đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai.

Ở bất cứ nơi đâu, ai cúng dường, nên biết người đó nhất định thành tựu vô lượng công đức. Như kinh nói: Ở bất cứ nơi đâu, mà có kinh nầy

thì cả thảy thế gian, Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường. Phải biết nơi đó, chính là tháp Phật, đều phải nên cung kính, lễ bái, đi nhiễu quanh, đem các thứ hương hoa rải cúng nơi đó.

Thọ trì, đọc tụng kinh nầy mà bị người khinh rẽ, là chỉ rõ phải biết lìa khỏi mọi chướng ngại. Vì sao bị người khinh rẻ mà ra khỏi mọi chướng ngại? Do người đó, đã có nhiều công đức lớn. Như kinh nói: Hết thảy tội nghiệp đời trước đều tiêu tan hết.

- Ở trước Phật Nhiên Đăng, cúng dường chư Phật, thì công đức ấy ít hơn công đức thọ trì kinh nầy vào đời mạt thế. Ở đây chỉ ra pháp mau chứng đạo Bồ-đề, do có nhiều phước đức trang nghiêm nên mau chóng đầy đủ.

Như kinh nói: Nếu có người, ở đời sau, đời sau nữa, thường hay thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh nầy, thì công đức Ta cúng dường chư Phật nói trên, thua công đức nầy, không bằng một phần trăm, một phần ngàn vạn ức, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể bằng...

Nên biết, pháp môn nầy là không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn. Câu nầy làm rõ nghĩa gì? - Kệ nói: Thành tựu mọi uy lực, được quả báo lớn vi diệu... nghĩa là đã gồm thâu Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương v.v... do uy lực đã thành tựu. Nếu ai nghe việc nầy mà tâm họ mê loạn, là do nghe quả báo thọ trì kinh tối thắng tuyệt diệu, không thể nghĩ bàn. Đây chỉ rõ, cảnh giới trí không thể lượng xét, trụ vào pháp môn đó mà tu hành, thì thành tựu công đức như vậy. Do đấy, phải biết các nghiệp của tu hành v.v... Như kinh nói: "Nên biết, pháp môn nầy, là không thể nghĩ bàn, nên quả báo của nó, cũng không thể nghĩ bàn."

Kinh nói: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Trụ như thế nào? Tu hành như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?

Phật nói: Nầy Tu-bồ-đề! Phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ-tát nên sinh tâm như vầy: Ta nên diệt độ hết thảy chúng sinh, giúp họ bước vào cảnh Vô dư Niết-bàn. Diệt độ cả thảy chúng sinh như vậy rồi nhưng không có một chúng sinh nào, thật sự được diệt độ cả!

Tại sao vậy? Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nào có tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả; thì không phải là Bồ-tát. Vì sao? Nầy Tu-bồ-đề! Thật ra, không có pháp nào, gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Luận rằng: Tại sao, trước đã nói ba thứ tu hành, nay còn nói lại nữa? Điều nầy có gì hay hơn? Kệ nói:

Nơi nội tâm tu hành,
Còn nghĩ ta: Bồ-tát,
Đó là chướng ngại tâm,
Trái với đạo không trụ.

Bài kệ nầy có nghĩa gì? Nếu Bồ-tát đối với chính mình, đã tu hành ba cách ở trên, mà còn sanh tâm nghĩ: Ta đã trụ nơi Đại thừa Bồ-tát, ta đã tu hành như thế, đã làm chủ tâm như thế. Tức Bồ-tát đã phát sinh tâm phân biệt, bị cản trở tu tập Bồ-đề. Kệ nói: Nơi nội tâm tu hành. Còn nghĩ ta Bồ-tát, đó là cản trở tâm. Cản trở tâm nào? Kệ nói: Trái với đạo không trụ. Như kinh nói: Tại sao? Nầy Tu-bồ-đề! Thật ra, không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không! Theo con hiểu nghĩa mà Phật nói, thì khi Ngài ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ngài không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy! Nầy Tu-bồ-đề! Ở bên Phật Nhiên Đăng thật không có pháp nào để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có pháp nào, để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ kí cho ta: Ở đời sau nầy, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Do không có pháp nào để được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên Phật Nhiên Đăng, mới thọ kí cho Ta như vầy: Ma Na Bà! Ở đời sau, ông sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Tại sao? Tu-bồ-đề thưa: Như Lai tức là thật chân như.

- Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người ấy nói không thật.

- Nầy Tu-bồ-đề! Thật sự không có pháp để Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì điều ấy không thật, cũng không dối. Thành thử Như Lai nói hết thảy pháp, đều là Phật pháp.

- Nầy Tu-bồ-đề! Nói hết thảy pháp, thì hết thảy pháp ấy, tức chẳng phải hết thảy pháp, cho nên mới gọi là hết thảy pháp.

Luận rằng: Trong đây có điều nghi ngờ: Nếu không có Bồ-tát,

thì tại sao Thích Ca Như Lai ở bên Phật Nhiên Đăng tu hạnh Bồ-tát? Để phá nghi nầy, kinh nói: "Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Ở bên Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Thưa không, Bạch Thế Tôn! v.v..." Ở đây làm sáng tỏ nghĩa gì? Kệ nói:

Do thời sau thọ ký
Nhiên Đăng Hành chẳng hơn,
Bồ-đề, kia tu hành ...
Tướng Hữu vi, không thật.

Bài kệ nầy có nghĩa gì? Khi ở bên Phật Nhiên Đăng, Như Lai chưa tu hạnh Bồ-tát đệ nhất. Vì sao? Lúc ấy, trong các hạnh tu của ta, không có một pháp nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu ở bên Phật Nhiên Đăng, Ta đã chứng Bồ-đề, thì sau nầy, chư Phật sẽ không thọ kí cho ta. Cho nên lúc ấy, ta tu hành chưa thành Phật. Kệ nói: Do thời sau thọ ký, ở bên Phật Nhiên Đăng ta tu hành chẳng vượt hơn.

Nếu không có pháp Bồ đề tức không có chư Phật có người hủy báng như vậy. Nghĩa là hoàn toàn không có Phật.

Như lai vì phá nghi nầy, kinh nói: "Tại sao? Tu-bồ-đề thưa: Như Lai tức Chân như thật". Thật có nghĩa là không điên đảo. Chân như có nghĩa là không đổi không khác.

"Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có ai nói: Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Câu này làm sáng tỏ nghĩa gì? Kệ nói: Bồ-đề kia tu hành. Có nghĩa gì? Nếu ai nói Bồ-tát kia tu hạnh có thật, thì đó là giả dối. Như vậy, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu ai nói là được, thì đó cũng là giả dối, cho nên nói "Bồ-đề, kia tu hành". Nếu ai chế nhạo là Như Lai không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì..." để cắt đứt nghi này, như kinh nói: Pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai được là không thật, không dối. Nghĩa này thế nào? Do Như Lai đã được Bồ-đề. Kệ nói: Tướng Hữu vi là chẳng thật. Tướng Hữu vi là tướng năm ấm, pháp Bồ-đề kia không có tướng như sắc v.v... Đây lại có nghĩa thế nào? Kệ nói:

Bồ-đề-tướng phi tướng,
Do không nói hư vọng
Pháp đó, pháp chư Phật,
Tướng tự thể hết thảy.

Bài kệ này, có nghĩa gì? Bồ-đề đối với sắc... là chẳng phải tướng; đối với vô sắc... là tướng. Đó tức là tướng Bồ-đề. Cho nên kệ nói: Bồ-đề tức tướng, phi tướng. Vì không nói hư dối, cho nên Như Lai nói, hết

thảy pháp là Phật Pháp v.v... Câu ấy có nghĩa gì? Do Như Lai đã chứng được pháp như vậy. Kệ nói: Pháp đó là Pháp của chư Phật, là tướng tự thể của hết thảy pháp. Tướng tự thể là chẳng phải thể tức tự thể. Đây là làm sáng tỏ nghĩa gì? Là thể Chân như của hết thảy pháp. Pháp Bồ-đề kia, Như Lai đã chứng. Cho nên nói: Hết thảy pháp, đều là Phật pháp. Không còn trụ vào tướng của các sắc xứ v.v... nên hết thảy các pháp của sắc v.v... là chẳng phải pháp. Như vậy, các pháp là chẳng phải pháp, tức là pháp của các pháp, do nó không có tướng của pháp, nên thường không nắm giữ tướng của pháp.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ví như người có thân to lớn vi diệu.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân to lớn vi diệu, chẳng phải là thân to lớn vi diệu, thế nên Như Lai nói là thân to vi diệu.

Luận rằng: Thí dụ về thân to lớn vi diệu, để nói rõ nghĩa gì? Kệ nói:

Dựa vào pháp thân Phật,
Nên nói dụ: Thân lớn,
Thân lìa hết mọi chướng,
Và trùm khắp các cảnh.
Công đức và thể lớn,
Do vậy, nói thân lớn,
Chẳng phải thân, là thân,
Nên nói: "chẳng phải thân".

Hai bài kệ nầy có nghĩa gì? Là hoàn toàn xa lìa khỏi phiền não chướng, Trí chướng, là pháp thân đầy đủ hoàn thiện. Đây lại nói đến nghĩa gì? Có hai thứ nghĩa: Một là trùm khắp hết thảy. Hai là công đức lớn, nên gọi là thân lớn. Kệ nói: Công đức và thể lớn là vậy.

Trùm khắp hết thảy ấy là Chân như của mọi pháp, đều không khác nhau. Cho nên Kệ nói: "Chẳng phải thân tức là thân, do vậy nói là chẳng phải thân". Như kinh nói: Thế Tôn, Như lai nói thân người to lớn vi diệu, tức chẳng phải thân to lớn vi diệu. Cho nên Như Lai mới nói là thân to lớn vi diệu. Đây nói nghĩa gì? Chẳng phải thân là không có các tướng, ấy là gọi chẳng phải thân.

Lớn, là có thể của Chân như. Như vậy tức là thân to lớn vi diệu. Như kinh nói, gọi là thân to lớn vi diệu.

Kinh nói: Phật dạy: Nầy Tu-bồ-đề: Bồ-tát cũng như vậy. Nếu nói rằng mình sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh, thì đó chẳng phải là Bồ-tát.

Phật nói: Nầy Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Lại có thật pháp gọi là

Bồ-tát chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn, không! Thật không có pháp, gọi là Bồ-tát. Thế nên, Phật nói: Hết thảy pháp, là không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.

Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng mình trang nghiêm cõi nước Phật, thì đó không gọi là Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì Như Lai nói: Trang nghiêm cõi nước Phật, thì trang nghiêm cõi nước Phật đó, tức chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm cõi nước Phật.

Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông suốt lí vô ngã, pháp vô ngã, thì Như Lai gọi đó chính là Bồ-tát, Bồ-tát.

Luận rằng: Trong đây có điều nghi: Là nếu không có Bồ-tát, thì chư Phật cũng không thành đại Bồ-đề, chúng sinh cũng không bước vào Đại Niết-bàn, cũng không có cõi nước Phật thanh tịnh. Nếu như vậy, thì có ý nghĩa gì mà các đại Bồ-tát phát tâm, muốn khiến chúng sinh bước vào đại Niết-bàn, khởi tâm tu hành cõi nước Phật thanh tịnh...

Từ đây trở xuống, kinh văn tập trung cắt bỏ nghi nầy. Cắt bỏ nghi đó như thế nào? Kệ nói:

Không đạt chân pháp giới, Khởi ý độ chúng sinh,
Làm thanh tịnh cõi Phật, Sinh tâm, là điên đảo.

Bài kệ nầy có nghĩa gì? Nếu khởi tâm như thế tức là điên đảo, chẳng phải là Bồ-tát. Vậy phải khởi những tâm gì mới gọi là Bồ-tát? Như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thấu suốt lí vô ngã, pháp vô ngã, thì Như Lai gọi đó chính là Bồ-tát, Bồ-tát. Đây nói rõ nghĩa gì? Kệ nói:

Chúng sinh và Bồ-tát, Biết các pháp vô ngã,
Chẳng (phải) Thánh, trí tự tin, Và Thánh, do có trí.

Bài kệ nầy làm rõ nghĩa gì? Thấu suốt vô ngã, pháp vô ngã; là chúng sinh và Bồ-tát. Những ai là chúng sinh, những ai là Bồ-tát? Đối với pháp ấy nếu do trí tuệ của mình mà tin là Thế gian trí tức phàm phu, là xuất thế gian trí tức gọi là Thánh nhân. Người đó gọi là Bồ-tát, là thâu gồm cả Bồ-tát Thế đế và Bồ-tát xuất Thế đế. Do vậy, nên lặp lại hai lần Bồ-tát, Bồ-tát. "Như kinh nói: Như Lai gọi đó là chính thật Bồ-tát, Bồ-tát".